

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã**

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 (sau đây gọi là Luật Hợp tác xã);

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã (sau đây gọi là Nghị định số 193/2013/NĐ-CP);

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 9837/BNN-KTHT ngày 08/12/2014;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã.

Mục 1**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ quản lý tài chính áp dụng đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 2, Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.

2. Căn cứ vào các quy định của Thông tư này, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xây dựng quy chế quản lý tài chính nội bộ phù hợp với đặc điểm, điều kiện hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông qua đại hội thành viên, hợp tác xã thành viên để tổ chức thực hiện đầy đủ quy chế tài chính nội bộ, các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, công khai, dân chủ và đúng pháp luật.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA HỢP TÁC XÃ

Điều 2. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã (sau đây gọi là thành viên), hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi là hợp tác xã thành viên) góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc xác định giá trị vốn góp thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật Hợp tác xã.

2. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định thì vốn điều lệ không được thấp hơn vốn pháp định áp dụng đối với ngành, nghề đó.

3. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do đại hội thành viên quyết định theo quy định tại Điều 43 Luật Hợp tác xã.

Điều 3. Vốn hoạt động của hợp tác xã

1. Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Điều lệ, quy chế quản lý tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Huy động vốn và các khoản trợ cấp, hỗ trợ

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quyền huy động vốn theo quy định của pháp luật để phục vụ sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ cho chủ nợ theo cam kết trong hợp đồng.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ưu tiên huy động vốn từ thành viên, hợp tác xã thành viên để đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở thỏa thuận với thành viên, hợp tác xã thành viên theo trình tự, thủ tục như đối với trường hợp huy động vốn từ tổ chức, cá nhân trong nước.

Trường hợp huy động vốn từ thành viên, hợp tác xã thành viên chưa đáp ứng đủ nhu cầu thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được huy động vốn từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật và điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Phương thức huy động vốn: Huy động vốn từ các thành viên, hợp tác xã thành viên; vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, các cá nhân, tổ chức ngoài hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Việc huy động vốn phải có phương án được đại hội thành viên hay hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) phê duyệt theo thẩm quyền được phân cấp tại điều lệ và quy chế quản lý tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

b) Việc vay vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật;

c) Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài.

5. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp nhận các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước được thực hiện như sau:

a) Khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước được tính vào tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

b) Khoản hỗ trợ của Nhà nước phải hoàn lại được tính vào số nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 5. Hoạt động tín dụng nội bộ

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sử dụng vốn nhàn rỗi của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và huy động tiền gửi của thành viên, hợp tác xã thành viên để cho thành viên, hợp tác xã thành viên vay theo hình thức tín dụng nội bộ. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải xây dựng phương án: Về tiền huy động, tiền cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi, cơ sở vật chất và các điều kiện thực hiện tín dụng nội bộ. Xây dựng quy chế hoạt động tín dụng nội bộ phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan và được đại hội thành viên thông qua.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải tổ chức hạch toán theo dõi riêng các nghiệp vụ của hoạt động tín dụng nội bộ trên cùng một hệ thống sổ kế toán của đơn vị về các chỉ tiêu: Cho vay, nhận tiền gửi và các hoạt động thu, chi khác có liên quan đến hoạt động tín dụng nội bộ. Cuối tháng, cuối quý phải kiểm kê quỹ

tiền mặt, đối chiếu công nợ; tổ chức công tác quản lý hoạt động tín dụng nội bộ theo quy định tại Thông tư số 06/2004/TT-NHNN ngày 27/9/2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về tín dụng nội bộ hợp tác xã, Thông tư số 04/2007/TT-NHNN ngày 13/6/2007 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2004/TT-NHNN, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, phù hợp với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các quy định có liên quan.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được sử dụng tài sản không thuộc sở hữu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như các tài sản sau: tài sản đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để thực hiện góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp.

3. Đối với khoản góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được trích lập dự phòng theo quy định về trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

4. Việc chuyển nhượng vốn góp, cổ phần của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại các doanh nghiệp và việc chuyển nhượng doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung và thay thế (nếu có). Tiền thu từ chuyển nhượng vốn góp, cổ phần của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi trừ giá trị vốn đầu tư ghi trên sổ sách kế toán, chi phí chuyển nhượng và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định, số tiền còn lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Mục 3

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA HỢP TÁC XÃ

Điều 7. Tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quy định tại Điều 48 Luật Hợp tác xã.

2. Việc xử lý tài sản và vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 49 Luật Hợp tác xã; việc xử lý tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể, phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP.

Điều 8. Quản lý tài sản không chia

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xây dựng quy chế để quản lý chặt chẽ tài sản không chia. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải mở sổ theo dõi khi tiếp nhận tài sản không chia.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tài sản cố định

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định tại các Điều 32, 34 của Luật Hợp tác xã, điều lệ, quy chế quản lý tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện như đối với doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Đối với ngành kinh doanh đặc thù có quy định riêng về đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cố định theo chuyên ngành, ngoài việc thực hiện quy định nêu trên còn phải thực hiện theo quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành.

4. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản, xử lý tài sản cố định do đại hội thành viên quyết định theo quy định tại các Điều 32, 34 của Luật Hợp tác xã, điều lệ, quy chế quản lý tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Trường hợp khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc xử lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ thực hiện như đối với trường hợp thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Điều 10. Quản lý tài sản lưu động

1. Tài sản lưu động là các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, bán thành phẩm, sản phẩm dở dang, tiền mặt tồn quỹ, số dư tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu tồn quỹ.

2. Việc quản lý tài sản lưu động phải tuân thủ một số nguyên tắc sau:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xây dựng quy chế để quản lý chặt chẽ tài sản lưu động. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải mở sổ theo dõi chặt chẽ các hoạt động thu chi tiền mặt, tiền gửi, cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ và phải phản ánh